



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2009

LỜI CHÀO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH

Thưa các quý vị !

Thị trường chứng khoán trong năm 2009 có những biến động rất lớn. Những tháng đầu năm 2009 thị trường chứng khoán đã sụt giảm mạnh, tạo mức đáy. Tuy nhiên, sau đó thị trường dần hồi phục bởi sự nỗ lực của Chính phủ trong việc đưa ra các gói kích cầu vào thị trường trong nước, nhờ đó một lượng tiền lớn đã được “bơm” trực tiếp cho ngân hàng. Từ mức đáy 235,50 điểm, thị trường đã đảo chiều tăng mạnh, đến tháng 11, VN-Index đã đạt trên 600 điểm.. Tuy có những biến động lớn nhưng năm 2009 là một năm tương đối thành công với Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APSI). Vượt qua cuộc khủng hoảng 2008 và đầu năm 2009, APSI đã tự khẳng định được mình trên thị trường cạnh tranh khốc liệt.

Tuy APSI là một công ty chứng khoán còn non trẻ, bộ máy gọn nhẹ nhưng đã tạo được hiệu quả cao trong lĩnh vực hoạt động tài chính. Lợi nhuận của năm 2009 là 41.6 tỷ đồng

Tin tưởng rằng sự phát triển, tăng trưởng của thị trường chứng khoán sẽ là cơ hội để tăng trưởng bền vững cho APSI. Năm 2010 tiếp tục được đánh giá là một năm khó khăn và thử thách đối với các Công ty chứng khoán và đặc biệt là đối với các Công ty Chứng khoán mới thành lập như APSI. Với kinh nghiệm và thành tựu đạt được trong năm 2009, với sự ủng hộ to lớn từ các cổ đông sáng lập, sự chung sức đồng lòng của đội ngũ nhân sự giỏi về chuyên môn, nhiệt tình vì sự phát triển của APSI và trên hết là chiến lược và định hướng hoạt động phát triển của Hội đồng quản trị, APSI tự tin đối mặt với những khó khăn để gặt hái được thêm những thành công lớn hơn nữa trong tương lai. Năm 2010 sẽ là năm mà chúng tôi tin tưởng APSI sẽ đạt được tầm cao mới

Sự khác biệt của APSI là: dịch vụ tài chính tốt, tinh thần phục vụ khách hàng chu đáo, đội ngũ lãnh đạo có năng lực, sự linh hoạt trong vận hành bộ máy, quan tâm đến từng nhu cầu của khách hàng...

Chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn đến tất cả các Quý khách hàng của công ty; các nhân viên trẻ trung, năng động, nhiệt tình với công việc đã tạo nên sự thành công và chỗ đứng vững chắc cho công ty trong năm qua. Xin cảm ơn các đối tác của công ty đã luôn sát cánh cùng tiến bước với APSI. Chúng tôi luôn tin tưởng tập thể APSI sẽ giữ vững và phát triển hơn nữa để đáp ứng kỳ vọng của khách hàng và cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn!



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN KIM PHƯƠNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THIÊN HÀ

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

15/11/2007 Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (APSI) được chính thức thành lập theo Giấy phép số 63/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; với số vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng).

Trong đó, phát hành 13.500.000 cổ phần (tương đương 100% vốn điều lệ) cho cổ đông sáng lập, nhân viên Ban dự án thành lập Công ty, Ban lãnh đạo Công ty góp vốn theo mệnh giá 10.000 đ/cổ phần;

06/12/2007 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo giấy chứng nhận Số 72/GCNTVLK

25/01/2008 Chính thức trở thành thành viên của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM theo quyết định Số 67/QĐ-SGDCKHCM

21/02/2008 Chính thức trở thành thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định Số 64/QĐ-TTGDHN

28/01/2008 Thành lập và khai trương Chi nhánh TP HCM theo Quyết định số 58/UBCK-GCN của UBCK NN.

05/03/2008 Chi nhánh chính thức trở thành thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán theo giấy chứng nhận Số 22/GCNTVLK-CN.

2. Tình hình hoạt động

Công ty Cổ Phần Chứng khoán An Phát (APSI) được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 63/UBCK – GP ngày 15 tháng 11 năm 2007. Với số Vốn điều lệ 135 tỷ đồng, hệ thống hạ tầng công nghệ hiện đại, mạng lưới chi nhánh, cùng với đội ngũ điều hành và các chuyên viên có nền tảng kiến thức chuyên sâu và bề dày kinh nghiệm về môi trường kinh doanh và mạng lưới quan hệ hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước.

Năm 2009, nền kinh tế thế giới cũng như nền kinh tế trong nước cũng đã dần bước qua thời kỳ khủng hoảng. Thị trường chứng khoán Việt Nam cùng với các công ty chứng khoán đều có sự tăng trưởng cả về chất lượng và quy mô so với cuối năm 2008. Được sự hỗ trợ từ các cổ đông, sự thống nhất của đội ngũ cán bộ nhân viên vì sự phát triển của Công ty, APSI đã tự tin đối mặt với nhiều khó khăn và đã gặt hái được thêm nhiều thành công vượt bậc.

APSI đã phát triển doanh số, mạng lưới khách hàng tăng thị phần của Công ty. Hoàn thiện hơn hệ thống công nghệ thông tin gia tăng các giá trị tiện ích cho khách hàng, nâng cao hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ (môi giới, tự doanh, lưu ký, tư vấn chứng khoán) đã giúp gia tăng doanh số của Công ty.

Năm 2008 là năm đầu tiên APSI gia nhập vào thị trường chứng khoán Việt Nam và đây cũng là một năm đầy khó khăn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Tính đến hết năm 2008 số lượng công ty chứng khoán trên thị trường đã lên đến 105 công ty, tuy nhiên chỉ có một số lượng nhỏ công ty chứng khoán hoạt động có lãi trong năm 2008 và số lượng công ty thua lỗ nặng nề và có nguy cơ phải sáp nhập, giải thể là khá lớn.

Trong năm 2009, các mặt hoạt động của APSI đều có được những thành tựu đáng kể. Mặc dù là công ty chứng khoán được thành lập sau so với nhiều công ty khác nhưng hoạt động Môi giới của APSI đã thu hút được một lượng lớn nhà đầu tư đến giao dịch và gắn bó lâu dài với APSI.

Năm 2009 bộ phận tư vấn của APSI đã ký được 05 hợp đồng tư vấn các loại với tổng giá trị hợp đồng là 2.500 triệu đồng.

Là một công ty có vốn điều lệ quy mô vừa phải và dành sự quan tâm tới hoạt động đầu tư trên quan điểm cân trọng, ngay từ những ngày đầu thành lập Ban điều hành của

APSI đã tập trung cơ cấu nhân sự giỏi vào bộ phận phân tích thị trường và đầu tư để đánh giá và xác định xu hướng thị trường. Trong từng thời điểm cụ thể Hội đồng quản trị của APSI cũng đã có những chỉ đạo cần thiết và đưa ra những chủ trương hợp lý để Ban giám đốc thực hiện. Nhờ vậy, năm 2008 APSI chỉ phải trích dự phòng rủi ro ở mức 30 tỷ đồng, vẫn đảm bảo được nguồn vốn kinh doanh, năm 2009 APSI đạt được kết quả lợi nhuận sau thuế là 39,278 triệu đồng. Đây là kết quả hết sức ấn tượng so với các công ty chứng khoán khác trên thị trường.

3. Định hướng phát triển

- Phát triển đồng bộ các mặt hoạt động trên cơ sở khai thác tối đa các nguồn lực và lợi thế của APSI đặc biệt là tìm kiếm cơ hội đầu tư giá trị do APSI đang nắm giữ một lượng tiền mặt lớn vào thời điểm 31/12/2009;
- Nghiên cứu xây dựng và phát triển các sản phẩm dịch vụ để đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, biến những cơ hội dù là nhỏ nhất trở thành những giá trị gia tăng cho nguồn vốn của nhà đầu tư.
- Nghiên cứu và lựa chọn đối tác nước ngoài để cung ứng giải pháp tối ưu nhất về công nghệ thông tin;
- Đẩy mạnh hoạt động đào tạo nguồn nhân lực hiện có, xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về với APSI;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho mọi thành viên trong Công ty;
- Hoàn thiện và đổi mới các quy trình hoạt động của từng bộ phận nghiệp vụ cho phù hợp với tình hình mới nhằm gia tăng hiệu quả và kiểm soát được rủi ro;
- Xây dựng các chiến lược quảng bá thương hiệu APSI với mục tiêu trở thành 1 trong 20 Công ty Chứng khoán có thương hiệu mạnh nhất.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Năm 2009, APSI Đ có doanh thu đạt 39,498 tỷ đồng tạo ra được lãi gộp trước thuế là 41,498 tỷ. Kết quả hoạt động lũy kế hai năm 2008-2009 là 10,670 tỷ đồng. Công ty chia cổ tức năm 2009 là 5%. Doanh thu chủ yếu là do khối môi giới và dịch vụ khách hàng mang lại. Các kết quả đạt được chưa đạt được so với kế hoạch năm 2009 đặt ra một nguyên nhân chủ yếu là do chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh chưa hoạt động như đúng kỳ vọng.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2009	TH năm 2009	Tỷ lệ % TH/KH
DT hoạt động KDCK	46.800	39.498	84,40%
Lợi nhuận	41.648	41.100	98,68%
Vốn vay bình quân	30.000	3.000	10%
Tổng tài sản bình quân	166.000	118.000	71.08%

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc.
- Thay đổi 01 người trong Ban Kiểm soát.
- Điều chỉnh quy chế trả lương mới: trả lương theo doanh thu của hoạt động kinh doanh.

- Tách bộ phận dịch vụ khách hàng ra thành một phòng riêng. Bộ nhiệm thêm chức danh: Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng.
- Tăng cường nhân sự cho bộ phận Kiểm soát nội bộ công ty



4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	% ↑(↓) so 2009
Vốn Điều lệ	tr.đ	135.000	0
Doanh thu thuần	tr.đ	86.071	117.91
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	27.750	(29.35)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	32.24	(67.58)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	20.56	(24.62)
Cổ tức	%	15.00	

BÁO CÁO TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính:

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009
1. Khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	7.60
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)		7.60
2. Cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.13
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.15
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/VLĐ bình quân)	Lần	0.41
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0.24
4. Khả năng sinh lời		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	99.44
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	28.79
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	31.58
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần bình quân	%	155.36

● Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2009

Chỉ tiêu	Năm 2009	% thay đổi
Tổng giá trị tài sản	164,913,529,491	152.81%
Doanh thu thuần	39,498,716,128	294.56%
Lợi nhuận trước thuế	41,100,357,987	235.34%
Lợi nhuận sau thuế	39,278,615,606	229.33%
Giá trị cổ phiếu trên sổ sách	10,669	
Chi cổ tức bằng tiền mặt	5%	

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2009	% ↑(↓) so 2008
Tổng giá trị tài sản	164.913.529.491	52.81
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	39.498.716.128	194.56
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	41.100.357.987	229.19
Lợi nhuận khác	2.850.000	(89.08)
Lợi nhuận trước thuế	41.103.207.987	235.34
Lợi nhuận sau thuế	39.278.615.606	229.33
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	5	

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Trong quý I năm 2010, Công ty sẽ hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu An Phát lên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và tăng vốn điều lệ.
- Hoàn thành việc bổ sung nhân sự chủ chốt trong Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, nỗ lực mở rộng quy mô và hiệu quả hoạt động của Chi nhánh.
- Tiếp tục củng cố thương hiệu An Phát bằng các giải pháp kỹ thuật.
- Tập trung phát triển và hoàn thiện các nghiệp vụ chính của công ty nhằm tăng tính hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tăng vốn điều lệ lên 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT
Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-22
Bảng cân đối kế toán	05-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11-22

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán				
01	1 Lợi nhuận trước thuế		41.103.207.987	(30.369.799.565)
02	Khấu hao tài sản cố định		908.890.751	574.187.535
03	Các khoản dự phòng		(21.584.249.126)	23.869.854.040
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.640.206.476)	-
06	Chi phí lãi vay		664.862.872	-
08	3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		2.452.506.008	(5.925.757.990)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(37.636.664.962)	(9.986.609.778)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		13.830.860.715	981.713.484
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		143.574.038	(1.199.627.687)
13	Tiền lãi vay đã trả		(603.109.872)	-
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(29.618.959)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.729.586.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(7.535.220.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(14.083.248.073)	(23.695.120.930)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(846.859.284)	(3.581.152.047)
23	3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(483.500.000.000)	-
24	4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		468.500.000.000	-
25	5 Tiền chi mua chứng khoán		(187.340.633.706)	(46.779.616.040)
26	6 Tiền thu hồi bán lại chứng khoán		202.848.519.251	52.000.000.000
27	7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		18.640.206.476	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		18.301.232.737	1.639.231.913
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		66.470.000.000	-
34	4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(64.570.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.900.000.000	-

2009
CÔNG
CHUYÊN
CH VU
CHINH
VA KIE
AN KI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		6.117.984.664	(22.055.889.017)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		10.253.019.497	32.308.908.514
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	4	16.371.004.161	10.253.019.497

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Người lập

Lưu Quang Hình

Kế toán trưởng

Lê Văn Hào

Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2009

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Các đơn vị thành viên sau

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 13 Cao Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Thay đổi chế độ kế toán

Năm 2008, Công ty áp dụng chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ Tài chính. Năm 2009, do thay đổi chế độ kế toán công ty chứng khoán, Công ty áp dụng chế độ kế toán nêu trên. Vì vậy, một số chỉ tiêu đầu kỳ được phân loại và trình bày lại (chi tiết tại thuyết minh số 21).

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong kỳ kế toán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

20.3/1
NG T'
TỔNG HỢP
LÝ THUYẾT
KẾ TOÁN
TỔNG KẾ
TỔNG TO

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ lãi tiền gửi, hoạt động cầm cố chứng khoán và hoạt động hỗ trợ đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh theo nguyên tắc thực thu.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 được giảm 30% theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.



3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
a) Của Công ty Chứng khoán	3.973.800	154.787.261.000
- Cổ phiếu	3.699.800	150.824.761.000
- Trái phiếu	274.000	3.962.500.000
- Chứng chỉ quỹ	-	-
- Chứng khoán khác	-	-
b) Của người đầu tư	248.832.570	8.746.129.415.000
- Cổ phiếu	243.029.880	8.671.228.017.000
- Chứng chỉ quỹ	5.802.690	74.901.398.000
- Chứng khoán khác	-	-
Tổng cộng	252.806.370	8.900.916.676.000

4 . TIỀN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền mặt tại quỹ	25.265.227	22.981.478
Tiền gửi ngân hàng	1.254.539.871	8.910.488.347
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (*)	15.091.199.063	1.319.549.672
Cộng	16.371.004.161	10.253.019.497

(*) Đây là khoản tiền gửi của nhà đầu tư vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng để phục vụ cho việc mua bán chứng khoán của nhà đầu tư.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Chứng khoán thương mại	31.271.730.495	11.429.616.040
- Chứng khoán niêm yết	20.146.360.495	7.192.116.040
- Chứng khoán chưa niêm yết	11.125.370.000	4.237.500.000
Đầu tư ngắn hạn khác	38.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	38.000.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(2.285.604.914)	(2.869.854.040)
Cộng	66.986.125.581	8.559.762.000

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2009 là khoản dự phòng cho toàn bộ số chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cơ sở trích lập dự phòng là giá bình quân tại ngày 31/12/2009. Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở trích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày 31/12/2009.

Đối với các khoản đầu tư vào cổ phiếu chưa niêm yết (bao gồm cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội và cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội), Công ty mua ngày 28/12/2009 và giá trị trên sổ kế toán không cao hơn giá thị trường tại thời điểm 31/12/2009, do đó không phải trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư này.

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
1. Trả trước cho người bán	406.888.071	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	68.155.283.128	16.513.426.275
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	68.089.283.128	11.947.426.275
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	66.000.000	4.566.000.000
3. Phải thu khác	5.064.287.250	18.461.888.897
- Phải thu tiền gốc các hợp đồng Repo	5.064.287.250	17.916.000.000
- Phải thu lãi các hợp đồng Repo	-	199.396.000
- Trả tiền thừa mua ô tô Công ty Tân Hoàng Huy	-	216.493.000
- Thuế thu nhập cá nhân	-	48.450.000
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	29.922.500
- Phải thu khác	-	51.627.397
Cộng	73.626.458.449	34.975.315.172

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

a) Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	3.448.747.661	1.118.800.000	179.462.986	4.747.010.647
2. Số tăng trong năm	517.771.115	-	-	517.771.115
- Mua sắm mới	517.771.115	-	-	517.771.115
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	3.966.518.776	1.118.800.000	179.462.986	5.264.781.762
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	401.400.486	116.541.667	38.373.676	556.315.829
2. Số tăng trong năm	453.896.958	139.850.000	12.177.380	605.924.338
- Trích khấu hao	453.896.958	139.850.000	12.177.380	605.924.338
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	855.297.444	256.391.667	50.551.056	1.162.240.167
III. Giá trị còn lại				
1. Đầu năm	3.047.347.175	1.002.258.333	141.089.310	4.190.694.818
2. Cuối năm	3.111.221.332	862.408.333	128.911.930	4.102.541.595

b) Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	1.222.248.730	80.000.000	1.302.248.730
2. Số tăng trong năm	297.000.000	180.900.000	477.900.000
- Mua sắm mới	297.000.000	180.900.000	477.900.000
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	1.519.248.730	260.900.000	1.780.148.730
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	68.949.746	10.666.667	79.616.413
2. Số tăng trong năm	292.299.746	10.666.667	302.966.413
- Trích khấu hao	292.299.746	10.666.667	302.966.413
3. Số giảm trong năm	-	-	-
4. Số dư cuối năm	361.249.492	21.333.334	382.582.826
III. Giá trị còn lại			
1. Đầu năm	1.153.298.984	69.333.333	1.222.632.317
2. Cuối năm	1.157.999.238	239.566.666	1.397.565.904

c) Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2009	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
135.000.000.000	Nguyên giá	7.044.930.492	0,05
	Khấu hao	(1.544.822.993)	
	Giá trị còn lại	5.500.107.499	0,04
Cộng	x	x	x

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	52.382.292	201.194.123
- Sửa chữa văn phòng Công ty	52.382.292	201.194.123
Cộng	52.382.292	201.194.123

9 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	100.586.744	-
Số cuối năm	220.586.744	120.000.000

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.900.000.000	-
- Vay cá nhân Bà Nguyễn Bích Thủy	1.900.000.000	-
Cộng	1.900.000.000	-

Thông tin bổ sung cho hợp đồng vay

Hợp đồng vay vốn ngày 15/10/2009 với số tiền là 1.900.000.000 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay là 13%/năm. Vốn vay theo hình thức không có tài sản đảm bảo.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.835.012.931	10.420.550
Các loại thuế khác	73.835.162	31.330.293
Cộng	1.908.848.093	41.750.843

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	8.784.220	4.609.800
Bảo hiểm xã hội	34.187.300	-
Bảo hiểm y tế	-	6.565.000
Phải trả về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	15.091.199.063	1.319.549.672
Tiền mua cổ phần chưa xác định được đối tượng	1.160.119.000	1.160.119.000
Cổ tức phải trả ông Mai Ngọc Lâm	13.001.000	13.001.000
Mua cổ phiếu phát hành thêm	-	360.000.000
Cổ tức chứng khoán Đại Việt	30.972.000	30.972.000
Tiền lương kinh doanh và tiền phép	319.861.023	-
Phí cộng tác viên	73.751.475	-
Mua cổ phiếu EMC	100.000.000	-
Tiền bán cổ phiếu TBH	130.889.000	-
Cộng	16.962.764.081	2.894.816.472

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vốn chủ sở hữu				
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	881.499.995	-	881.499.995
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(30.251.323.729)	39.278.615.606	881.499.995	8.145.791.882
Tổng cộng	104.748.676.271	40.160.115.601	881.499.995	144.027.291.877

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Nhà nước	0%	-	0%	-
Vốn góp của đối tượng khác	100%	135.000.000.000	100%	135.000.000.000
Cộng	100%	135.000.000.000	100%	135.000.000.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	135.000.000.000	135.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	135.000.000.000	135.000.000.000

c) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.500.000	13.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.500.000	13.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	39.498.716.128	18.719.709.168
Trong đó:		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	12.331.889.116	2.564.346.249
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	10.553.340.782	1.302.691.200
- Doanh thu khác (*)	16.613.486.230	14.852.671.719
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	5.310.111.839
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	39.498.716.128	13.409.597.329

15 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.423.909.249	-
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.281.405.783	9.473.297.960
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	46.949.103	-
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	(21.584.249.126)	23.869.854.040
Chi phí khác	1.361.400.747	222.086.633
Chi phí trực tiếp chung	1.815.441.111	2.400.485.324
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	248.962.229	485.792.862
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	3.666.667
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.551.648.882	1.420.142.272
- Chi phí khác bằng tiền	14.830.000	490.883.523
Cộng	(12.655.143.133)	35.965.723.957

16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.491.146.910	2.563.612.167
Chi phí vật liệu, đồ dùng quản lý	518.903.334	1.242.080.680
Chi phí khấu hao TSCĐ	908.890.751	1.700.442.315
Thuế, phí và lệ phí	96.407.663	343.171.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.629.638.484	592.969.493
Chi phí khác bằng tiền	408.514.132	1.397.496.140
Cộng	11.053.501.274	7.839.771.795

17 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	41.103.207.987	(30.369.799.565)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh giảm (bù lỗ năm 2008, cổ tức)	30.676.965.811	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	10.426.242.176	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	28%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.606.560.544	-
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 của Bộ Tài chính (theo tờ khai tạm tính thuế TNDN của Công ty)	(781.968.163)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.824.592.381	-

18 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	39.278.615.606	(30.369.799.565)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	39.278.615.606	(30.369.799.565)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	13.500.000	13.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.910	(2.250)

19 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CÔNG TY NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2009 VND	01/01/2009 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	15.091.199.063	1.319.549.672
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	-
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	-	-
Cộng	15.091.199.063	1.319.549.672

20 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

21 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại.

Chỉ tiêu	Mã số	Phân loại và trình bày lại	Trình bày trên BCTC năm trước	Chênh lệch
Bảng cân đối kế toán				
Trả trước cho người bán	132	-	11.929.481.327	(11.929.481.327)
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	135	16.513.426.275	4.583.944.948	11.929.481.327
Phải trả phải nộp khác	328	2.894.816.472	1.575.266.800	1.319.549.672
Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	(**)	-	1.319.549.672	(1.319.549.672)

(*) Trên Bảng cân đối kế toán năm 2008, số liệu 4.583.944.948 VND được trình bày tại hai chỉ tiêu "Phải thu của người đầu tư" - Mã số 132 và "Phải thu của tổ chức phát hành hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán" - Mã số 133.

(**) Trên Bảng cân đối kế toán năm 2008, số liệu 1.319.549.672 VND được trình bày tại chỉ tiêu "Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư" - Mã số 332.

Người lập

Lưu Quang Hình

Kế toán trưởng

Lê Văn Hào

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch của Công ty là: AN PHAT JOINT STOCK SECURITIES COMPANY. Tên viết tắt là: APSI.

Theo Quyết định số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 75A, Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 135.000.000.000 VND (Một trăm ba mươi lăm tỷ đồng). Tương đương 13.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Các đơn vị thành viên sau

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 13 Cao Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Kim Phương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Cương	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Hùng	Ủy viên
Ông Trần Thiên Hà	Ủy viên
Ông Trịnh Trung Chính	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 28/11/2009
Ông Trần Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phạm Nguyên Hoàng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/04/2009
Bà Ngô Thị Ngát	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/04/2009
Ông Ngô Anh Vinh	Ủy viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2010

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)
THÀNH VIÊN INPACT QUỐC TẾ

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát được lập ngày 05 tháng 01 năm 2010, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2010

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Chứng chỉ KTV số: D0063/KTV

Kiểm toán viên

Vũ Xuân Biên

Chứng chỉ KTV số: 0743/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		158.780.939.706	57.103.470.537
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền		16.371.004.161	10.253.019.497
111	1 Tiền	4	16.371.004.161	10.253.019.497
120	II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	66.986.125.581	8.559.762.000
121	1 Đầu tư ngắn hạn		69.271.730.495	11.429.616.040
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(2.285.604.914)	(2.869.854.040)
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn	6	73.626.458.449	34.975.315.172
132	2 Trả trước cho người bán		406.888.071	-
135	4 Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		68.155.283.128	16.513.426.275
138	5 Các khoản phải thu khác		5.064.287.250	18.461.888.897
150	V Tài sản ngắn hạn khác		1.797.351.515	3.315.373.868
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn		1.767.011.422	1.910.585.460
154	4 Tài sản ngắn hạn khác		30.340.093	1.404.788.408
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		6.132.589.785	50.813.650.508
220	II Tài sản cố định	7	5.552.489.791	5.614.521.258
221	1 Tài sản cố định hữu hình		4.102.541.595	4.190.694.818
222	- Nguyên giá		5.264.781.762	4.747.010.647
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1.162.240.167)	(556.315.829)
227	3 Tài sản cố định vô hình		1.397.565.904	1.222.632.317
228	- Nguyên giá		1.780.148.730	1.302.248.730
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(382.582.826)	(79.616.413)
230	4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	52.382.292	201.194.123
250	IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	37.350.000.000
253	3 Đầu tư chứng khoán dài hạn		-	35.350.000.000
258	4 Đầu tư dài hạn khác		-	23.000.000.000
259	5 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(21.000.000.000)
260	V Tài sản dài hạn khác		580.099.994	7.849.129.250
263	3 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	9	220.586.744	120.000.000
268	4 Tài sản dài hạn khác		359.513.250	7.729.129.250
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		164.913.529.491	107.917.121.045

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
300	A NỢ PHẢI TRẢ		20.886.237.614	3.168.444.774
310	I Nợ ngắn hạn		20.886.237.614	3.168.444.774
311	1 Vay và nợ ngắn hạn	10	1.900.000.000	-
312	2 Phải trả người bán		-	1.153.459
314	4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.908.848.093	41.750.843
316	6 Chi phí phải trả		61.753.000	-
321	9 Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		52.872.440	230.724.000
328	11 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12	16.962.764.081	2.894.816.472
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		144.027.291.877	104.748.676.271
410	I Vốn chủ sở hữu	13	144.027.291.877	104.748.676.271
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000
418	8 Quỹ dự phòng tài chính		881.499.995	-
420	10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.145.791.882	(30.251.323.729)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		164.913.529.491	107.917.121.045

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
006	6 Chứng khoán lưu ký		109.220.670.000	60.366.790.000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch		91.310.670.000	60.366.790.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		18.657.240.000	2.205.300.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		71.853.430.000	58.161.490.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		800.000.000	-
012	6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		17.910.000.000	-
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		17.910.000.000	-
050	7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		5.319.720.000	2.800.000.000
051	7.1 Chứng khoán giao dịch		5.319.720.000	2.800.000.000
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		-	2.800.000.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		5.319.720.000	-
083	9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		7.507.000.000	-

Người lập

Lưu Quang Hình

Kế toán trưởng

Lê Văn Hào

Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2010

Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2009

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
01	1 Doanh thu	14	39.498.716.128	18.719.709.168
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		12.331.889.116	2.564.346.249
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		10.553.340.782	1.302.691.200
01.9	Doanh thu khác		16.613.486.230	14.852.671.719
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		-	5.310.111.839
10	3 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		39.498.716.128	13.409.597.329
11	4 Chi phí hoạt động kinh doanh	15	(12.655.143.133)	35.965.723.957
20	5 Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		52.153.859.261	(22.556.126.628)
25	6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	11.053.501.274	7.839.771.795
30	7 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		41.100.357.987	(30.395.898.423)
31	8 Thu nhập khác		2.850.000	26.098.858
40	10 Lợi nhuận khác		2.850.000	26.098.858
50	11 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41.103.207.987	(30.369.799.565)
51	12 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17	1.824.592.381	-
60	14 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		39.278.615.606	(30.369.799.565)
70	15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	18	2.910	(2.250)

Người lập

Lưu Quang Hình

Kế toán trưởng

Lê Văn Hảo

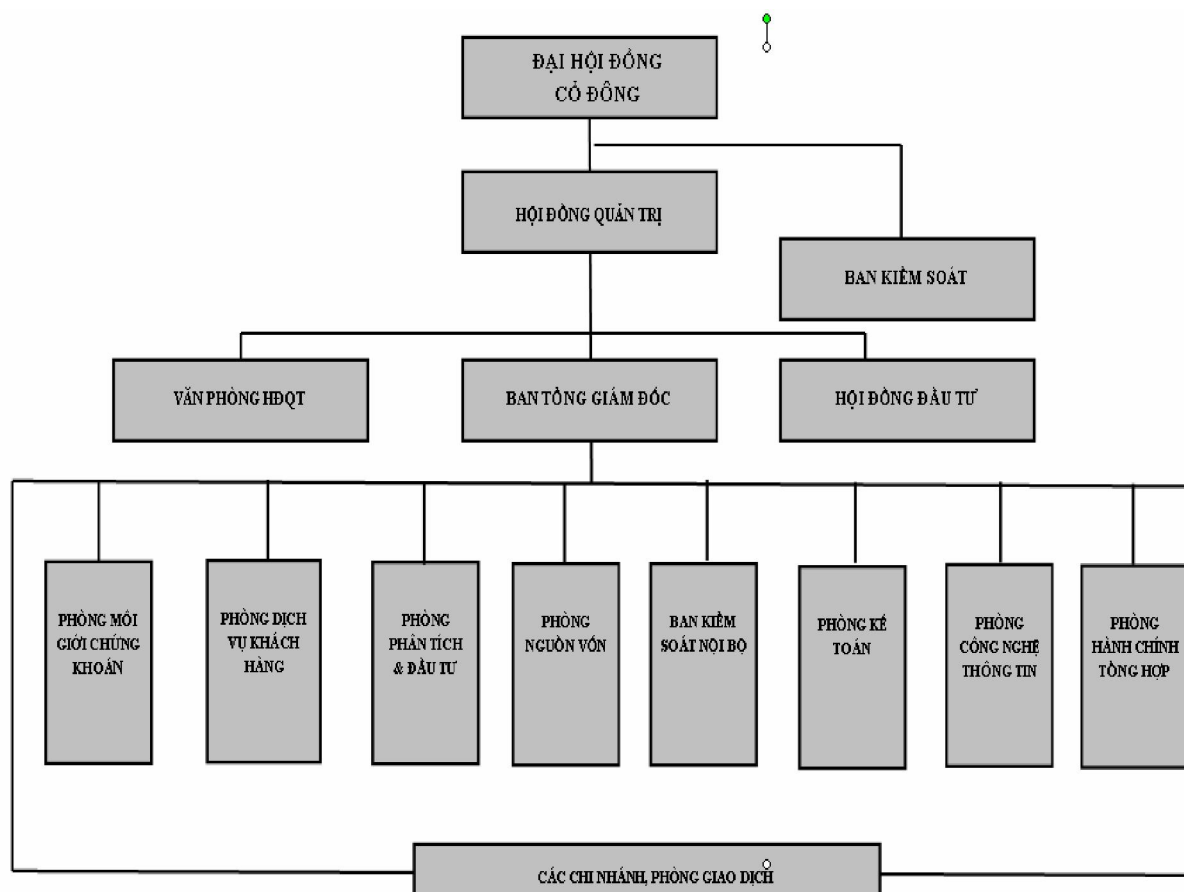
Lập, ngày 05 tháng 01 năm 2010
Tổng Giám đốc



Trần Thiên Hà

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



Hiện nay, công ty có Hội sở chính và 01 chi nhánh thành phố HCM.

2. Lý lịch tóm tắt của Ban điều hành:

Hiện nay, Ban điều hành của Công ty gồm:

- 01 Tổng giám đốc
- 01 Phó Tổng giám đốc

☺ Ông **TRẦN THIÊN HÀ**

Tổng giám đốc

Năm sinh	1971
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Ông Trần Thiên Hà là một người có rất nhiều kinh nghiệm trong ngành chứng khoán. Ông đã tham gia thị trường chứng khoán vào những ngày đầu tiên. Ông tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Mỹ. Ông đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý trong các tổ chức tài chính như: Công ty Chứng khoán Ngân hàng đầu tư, Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp, Văn phòng đại diện PPF tại Tp HCM.

☺ Ông **TRẦN VIỆT THẮNG**

Phó tổng giám đốc

Năm sinh	1972
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Tài chính

Ông Trần Việt Thắng có bằng cử nhân Luật và tốt nghiệp Cao học kinh tế Fullbright – Phân viện Đại học Havard Quốc tế chuyên ngành Thẩm định tài chính dự án. Ông có nhiều kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng.

Ngoài mức lương cao, Ban điều hành được hưởng các chế độ bảo hiểm nhân thọ, xe đưa đón.

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2009, tổng số lao động của APSI là 37 người, trong đó:

Loại lao động	SL lao động (người)	Tỷ lệ (%)
Trình độ đại học và trên đại học	32	86.48
Trình độ cao đẳng	2	5.41
Trình độ trung cấp	1	2.70
Lao động khác	2	5.41
Tổng số	37	100

Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về điều kiện làm việc: văn phòng làm việc được thiết kế khang trang, thoáng mát; trang bị máy tính cá nhân và các công cụ, dụng cụ khác đầy đủ, tạo cảm giác thoải mái, tiện nghi nhất cho người lao động.

Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh để người lao động phát huy hết Công ty tạo điều kiện về thời gian và đảm nhiệm chi phí cho nhân viên tham gia các khóa học chuyên ngành do Trung tâm đào tạo của UBCK tổ chức, và các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn như bằng thạc sỹ, bằng CFA v.v....

Công ty tuân thủ nghiêm túc mọi qui định của pháp luật về lao động được bộ Luật Lao động qui định như: ký hợp đồng lao động trực tiếp với người lao động, tuân thủ mọi qui định về nộp thuế thu nhập cá nhân, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.... Công ty ký hợp đồng với một phòng khám đa khoa và chi phí cho việc thăm khám để thực hiện việc kiểm tra sức khỏe hàng năm cho toàn bộ cán bộ và nhân viên của công ty. Công ty trích Quỹ phúc lợi để mua thêm bảo hiểm tai nạn và phẫu thuật nằm viện cho nhân viên. Đây là loại hình bảo hiểm bổ sung ngoài bảo hiểm y tế bắt buộc theo luật định.

- **Chính sách lương, thưởng:**

Quy chế tiền lương, thưởng của Công ty được ban hành phù hợp với Bộ luật lao động, trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

Thu nhập của người lao động tại APSI là thu nhập thuần hàng tháng, theo đó Công ty tính nộp các khoản BHXH, BHYT, Thuế TNCN...cho người lao động.

Lương tháng = Lương cơ bản + Lương kinh doanh

- **Chính sách trợ cấp:**

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở APSI còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được quan tâm.

Ngoài ra, nhằm tạo ra sự gắn bó giữa người lao động với Công ty, APSI chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện. Bên cạnh việc thực hiện các quy định lao động một cách nghiêm túc, APSI còn quan tâm đến đời sống tinh thần của toàn thể CBNV trong Công ty qua các chương trình nghỉ mát, dã ngoại, các buổi tiệc cho toàn thể nhân viên và gia đình trong các dịp lễ tết.

- **Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực:**

Với mức thu nhập tương đối cao, môi trường làm việc tốt cùng với các chính sách đãi ngộ khác, APSI đã thu hút được nguồn nhân lực đông đảo, có trình độ cao. Các thành viên mới được huấn luyện kỹ về chuyên môn và Bản sắc APSI ngay từ những ngày đầu để phù hợp với Văn hóa Công ty.

Quy trình tuyển dụng và đào tạo của APSI được xây dựng một cách khoa học và linh hoạt. Ngoài nguồn nhân sự được thông báo tuyển dụng trên phương tiện thông tin đại chúng, website, APSI còn hợp tác chặt chẽ với các tổ chức giáo dục đào tạo trong và ngoài nước, các trường đại học có uy tín và một số tổ chức cung ứng nhân sự chuyên nghiệp. Đó đó APSI có nhiều cơ hội tiếp cận và thu hút được đội ngũ nhân viên có trình

độ cao, giàu kinh nghiệm và phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

APSI đặc biệt coi trọng đến vấn đề đào tạo cho nhân viên. Ngoài việc tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá đào tạo nâng cao nghiệp vụ, APSI còn chú trọng đến đào tạo kỹ năng nâng cao đảm bảo cho nhân viên hoàn thành mục tiêu như: kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích và nhận định thị trường. Trong năm 2009, APSI đã tổ chức được 05 khóa đào tạo dưới nhiều hình thức: mời cán bộ, chuyên viên trong và ngoài nước về Công ty giảng dạy; gửi đi học; đào tạo nội bộ.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ
Trần Kim Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Cương	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trần Thiên Hà	Ủy viên
Trịnh Trung Chính	Ủy viên
Lê Quốc Hùng	Ủy viên

☺ **Bà TRẦN KIM PHƯƠNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Trần Kim Phương đã có uy tín trên thương trường trong nhiều lĩnh vực mà chủ yếu là lĩnh vực thương mại. Hiện nay, bà đang là Giám đốc Công ty TNHH Khai Phát tại Hà Nội.

☺ **Ông NGUYỄN CƯỜNG**

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cường là người trải qua nhiều các vị trí quản lý doanh nghiệp, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Hiện nay, ông đang là Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng.

☺ **Ông TRẦN THIÊN HÀ**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông Trần Thiên Hà đang công tác tại Công ty CPCK An Phát giữ vị trí công việc là Tổng giám đốc .

☺ **Ông LÊ QUỐC HÙNG**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Hùng là cử nhân Luật và hiện đang giữ cương vị Trưởng văn phòng đại diện của công ty Prevoir Vie Việt Nam.

☺ **Ông TRỊNH TRUNG CHÍNH**

Ủy viên Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Trung Chính đang công tác tại Công ty CPCK An Phát giữ vị trí công việc là Trưởng phòng Hành Chính – Nhân sự.

- Hoạt động của HĐQT:

Trong số 5 thành viên của HĐQT có 3 thành viên là thành viên độc lập không tham gia vào điều hành. Các thành viên HĐQT thường xuyên liên hệ, trao đổi với nhau bằng email, và gặp định kỳ hàng tháng thảo luận về tình hình hoạt động của công ty nhằm đưa ra những quyết định kịp thời định hướng cho Ban điều hành.

2. Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ
Phạm Nguyên Hoàng	Trưởng ban
Ngô Thị Ngát	Thành viên
Nguyễn Thanh Nghị	Thành viên

☺ Ông PHẠM NGUYỄN HOÀNG

Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Phạm Nguyên Hoàng là Cử nhân Kinh tế, có kinh nghiệm trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng. Hiện ông đang giữ chức vụ Trợ lý Tổng giám đốc của công ty CP Ô tô Giải Phóng.

☺ Ông NGUYỄN THANH NGHỊ

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Nghị là Cử nhân Luật và Cử nhân Kinh tế. Ông đang giữ cương vị Kế toán trưởng Công ty thuốc thú y Việt Anh

☺ Bà NGÔ THỊ NGÁT

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Ngát là cử nhân Tài chính – Ngân hàng. Bà đã giữ cương vị kế toán trưởng ở nhiều công ty khác nhau như: Điện tử điện lạnh 92 Hai Bà Trưng, công ty PT XNK và ĐT VIEXIM. Hiện nay, bà là Giám đốc công ty CP Ròng Việt

Tất cả các thành viên BKS đều là các thành viên độc lập, không kiêm nhiệm bất kỳ chức danh nào của công ty. Đặc điểm này làm cho hoạt động của BKS hoàn toàn mang tính độc lập, không bị ảnh hưởng của H ĐQT và Ban điều hành.

Trong năm 2009, BKS đã xem xét toàn diện hoạt động của công ty cũng như đã làm việc trực tiếp với H ĐQT, Ban điều hành để nắm rõ hơn tình hình hoạt động của công ty, phục vụ cho việc báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên 2010

Thù lao của HĐQT và BKS do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong năm 2009 chi phí cho các thành viên HĐQT và BKS là:

TT	Vị trí	Thù lao (năm)	Phụ cấp hợp/công tác
1	Hội đồng Quản trị	195,000,000	30,000,000
2	Ban kiểm soát	95,000,000	66,000,000
	Tổng cộng	290,000,000	96,000,000

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn góp vốn

Cổ đông	Số		Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số cổ phần Sở hữu	Tỷ lệ SH (%)
	CMND/Giấy ĐKKD						
CTCP ĐT&PTĐT Long Giang	0103000552	24/02/09	Hà Nội	173 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội		1.215.000	9,0
Trần Kim Phương	011975928	08/05/2003	Hà Nội	Số 287 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội		1.687.500	12,5
Nghiêm Thuận Ánh	012438887	23/07/2001	Hà Nội	Số 287 Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội		1.282.500	9.5
TỔNG						4.185.000	31.0

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

Họ và tên (cá nhân)/ Tên công ty (Pháp nhân)	Số CMND/Hộ chiếu/Giấy ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	SLCP góp vốn	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần DT&PTĐT Long Giang (Ông Nguyễn Cương làm đại diện)	0103000552	24/02/2009	Hà Nội	1.215.000	9,0%
Bà Trần Kim Phương	011975928	08/05/2003	Hà Nội	1.687.500	12,5%
Ông Trịnh Trung Chính	012470760	15/10/2001	Hà Nội	135.000	1,0%
Ông Lê Quốc Hùng	011679415	10/10/1996	Hà Nội	135.000	1,0%
Ông Trần Thiên Hà	011457047	26/05/2006	Hà Nội	540.000	4,0%
TỔNG CỘNG				3.712.500	27,5%

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ